

NỮ MỆNH ĐẠI NGHĨA

Nữ mệnh đại nghĩa (1)

Hỏi: *Phụ nữ có lợi cái gì?* Lợi ở Phu tinh, chồng lợi thì vợ cũng có lợi, chồng khốn thì vợ cũng khốn. Phụ nữ theo chồng, trước tiên là xem Phu tinh để định ra thân quý hay tiện, lại xem Tử tinh để xem xét khi về già vinh hay nhục.

Quan Sát Tài đắc địa, là chồng có lợi vậy. Thực thần đắc địa, thì con cái có lợi vậy.

Chồng có lợi thì xuất thân phú quý, cả đời hưởng phúc. Con cái có lợi thì về già hậu dưỡng, được cáo phong.

Nhưng cũng có vượng phu, lấy Thực sinh Tài, vì Tài sinh Quan vậy. Trái lại thì không có.

Nữ mệnh lấy khắc Ta là chồng, Ta sinh là con cái, đều phải đắc thời, nhận khí sinh vượng. Nếu khí vượng chỉ tụ ở trụ giờ, cũng có thể dụng Quan là chồng, không nên thấy Sát, dụng Sát làm chồng thì không nên thấy Quan, một vị là tốt. Nếu có 2 vị, Quan tinh không có Sát lẫn tạp, tứ trụ thuần Sát không có Quan hỗn tạp, thì vẹn vẹn là phụ nữ tốt. Lại được bản thân tự thắng càng tốt, nhưng vượng không thể thái quá. Thực là con cái, dẫn quy về trụ giờ phùng vượng, lại có Nhị Đức phù thân, là mệnh Phu quý Tử vinh. Không nên thân vượng trùng điệp, ám tàng Phu thần cùng Thương quan, Thất Sát, Khôi Cương tương hình, Dương Nhận thái trọng, hợp nhiều có tình, đều là không tốt đẹp. Tuế vận cũng vậy. Xem có bát pháp, bát cách, cần phải xem xét cẩn thận.

Thuần

Thuần, là chuyên nhất vậy. Thêm thuần một Quan tinh hoặc thuần một Sát tinh, có Tài có Ấn, không gặp hình xung, không có hỗn tạp là tốt.

Như: Quý Tị, Mậu Ngọ, **Tân Dậu**, Bính Thân, bản thân chuyên lộc, vượng mà không tông hóa. Tân dụng Bính Quan là Phu tinh, tháng 5 hỏa vượng thì chồng khỏe; Bính dụng Quý là Quan tọa Quý, thấy Tuất là Thực, cùng quy lộc ở Tị. Tân kim sinh Nhâm thủy là con cái, dẫn nhập giờ Thân ở đất Trường sinh, thiên can Quý Mậu Tân Bính, là Thủy Hỏa ký tế, địa chi Tị Ngọ Dậu Thân, cũng giáp Tài khố, cho nên lấy chồng là Quan mà ăn lộc trời, là mệnh **Phu vinh Tử quý**.

Lại như Quý Hợi, Giáp Dần, **Bính Tuất**, Giáp Ngọ, Bính dụng Quý là chồng, lâm quan ở Hợi, Giáp là Ấn, tọa Dần kiến lộc, bản thân tọa khố, Kỷ thổ là con, quy lộc ở Ngọ, cư trụ giờ vị trí con cái, Giáp mộc là Quan của Kỷ thổ, tứ trụ thuần nhất không tạp, cho nên chủ quý. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Hòa

Hòa, là điềm tĩnh vậy. Nếu như thân nhu nhược, chỉ có một vị Phu tinh, trụ không có thần công kích xung phá, bẩm khí trung hòa thì gọi là Hòa vậy.

Như: Nhâm Thìn, Tân Hợi, **Kỷ Mão**, Kỷ Tị, Kỷ dụng Giáp là chồng, Hợi là đất Trường sinh, là được thiên thời địa lợi. Giáp lấy Tân là Quan, kim sinh ở Tị, Kỷ lấy kim làm con, cũng sinh ở Tị, gọi là Phu được Quan tinh, Tử được Trường sinh, cho nên là **Ích Phu vượng Tử**. Tuy tự tọa Mão là Sát, nhưng có Canh trong Tị chế, luận là Khử Sát lưu Quan, là nữ mệnh quý vậy.

Lại như: Đinh Sửu, Nhâm Dần, **Đinh Dậu**, Kỷ Dậu, Đinh dụng Nhâm là chồng, Giáp là Ấn, Là chồng ăn lộc, ngày Đinh Dậu là Nhật Quý, sinh Kỷ Dậu là con, Nhâm thủy được Kỷ thổ là Quan, là chồng quý, Kỷ thổ được Giáp là Quan, là con quý, trong Dậu Tài vượng, là mệnh **Vinh phu ấm Tử**. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Thanh

Thanh, gọi là thanh khiết vậy. Nữ mệnh hoặc có một Quan một Sát, không có hỗn tạp, thì gọi là Thanh. Phu tinh phải đắc thời, trụ có Tài sinh Quan, có Ấn trợ thân, không có một chút khí hỗn tạp, mới là thanh quý.

Như: Kỷ Mùi, Nhâm Thân, **Ất Mùi**, Giáp Thân. Ất lấy Canh làm chồng, Canh lộc ở Thân, lấy Đinh làm con, Đinh vượng ở Mùi, lấy Nhâm làm Ấn, Nhâm sinh ở Thân, lại tọa dưới chi Mùi là Tài của Ất mộc, Tài vượng thì có thể sinh Quan, tứ trụ không có hình xung phá bại. **Kinh nói: Tài Quan Ấn thụ tam bản vật, nữ mệnh phùng đây tất vượng phu.** Cho nên có tước phong lưỡng quốc, là mệnh phu nhân.

Lại như: Giáp Dần, Quý Dậu, **Bính Dần**, Mậu Tý, Bính dụng Quý là chồng, tọa Dậu tự sinh, Quý lấy Mậu là Quan, Quý lộc ở Tý, chồng được lộc là quý. Bính hỏa được Mậu thổ, con đăng Long trì Phụng các, là con quý. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Quý

Quý, hiệu là tôn vinh vậy. Trong mệnh có Quan tinh, được Tài khí để giúp nhau, Tam Kỳ là có tổ tông che chở, tứ trụ không gặp Quỷ bệnh, là nữ mệnh Nghiêu Thuấn vậy. **Kinh nói: Mệnh nữ nhân không có Sát, một quý có thể làm lương nhân.**

Lại nói: Nữ mệnh không có Sát phùng Nhị Đức, có thể phong tước lưỡng quốc. Nhị Đức, không chỉ có Thiên Nguyệt nhị Đức, tức là lấy Tài là một đức, Quan là một đức, cộng thêm Ấn Thực, là càng quý vậy.

Như: Giáp Ngọ, Bính Dần, **Đinh Mùi**, Nhâm Dần. Đinh lấy Nhâm là Quan, Nhâm là Ấn của Giáp Thực, Nhâm dụng Bính là Tài, Nhâm lấy Hợi là Lộc, được 2 Dần ám hợp, tuy Phu tinh thất thời, nhưng hỉ hành vận tây bắc Phu vượng, cho nên là đại quý.

Lại như: Ất Hợi, Bính Tuất, **Tân Mão**, Quý Tị. Tân dụng Ất là Tài, vượng ở Hợi, Bính là Phu tinh, tọa khố quy lộc, trên Tị có Quý thủy là Quan của chồng, Tân kim sinh Quý là con tọa ở trên Tị, cùng lộc của chồng đồng vị; lại là Quý thần, lại là Tài Quan song mỹ, là được chồng con đều quý, mệnh phu nhân phong tước lưỡng quốc. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Trọc

Trọc, là hỗn vậy. Là ngũ hành thất vị, thủy thổ tổn thương nhau, là thân thái vượng, chính phu không lộ, còn thiên phu bên ngoài hỗn tạp, trụ chia tách nhiều, không có Tài Quan Ấn Thực, là mệnh hạ tiện dễ trọc hoặc làm ca kỹ tỷ thiếp, dâm xảo.

Như: Kỷ Hợi, Ất Hợi, **Quý Sửu**, Kỷ Mùi. Quý thủy sinh tháng 10, quá phù phiếm, Quý lấy Mậu làm chồng, không lộ ra, giờ dẫn Kỷ Mùi là thiên phu, sợ Sửu Mùi đều có thổ hỗn tạp, trong trụ không có Tài, Ất mộc là Thực thần can vượng, Kỷ thổ bị khắc, Quỷ bại lâm thân, là ngũ hành thất vị, chủ trước thanh sau trọc, không thể hưởng phúc.

Lại như: Quý Mùi, Giáp Dần, **Tân Dậu**, Ất Mùi. Ngày Tân Dậu là ngày bát chuyên tự vượng, dụng Bính hỏa làm chồng, trường sinh ở Dần, phu vượng vốn là tốt, nhưng Tân tham Tài trong khố Ất Mùi, khởi trêu ghẹo Đinh hỏa trong Mùi là ám phu, 2 khố ám phu nặng hơn mình phu, mình ám giao tập, tuy có chính phu, nhưng khó tránh âm thầm cướp chồng người để được tiền tài, là tượng trọc loạn. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Lạm

Lạm, là tham lam vậy. Là nói trong trụ có nhiều minh phu (Phu tinh lộ ra nhiều), trong ám có Tài vượng, can chi lại mang nhiều Sát, tất là người vì tiền tài, vụng trộm được tiền tài, loại mệnh này, hoặc là tỳ thiếp, hoặc là khắc phu tái giá.

Như: Canh Dần, Bính Tuất, **Canh Thân**, Đinh Hợi. Canh Thân là ngày bát chuyên tự vượng, Bính hỏa là chồng, Dần Tuất hội cục, can giờ là Đinh, thích coi trọng hỏa tình, Canh Thân kim ám khắc Dần Hợi mộc là Tài, trong Hợi có Nhâm thủy là Thực sinh Tài, người tuy là xinh đẹp có phúc, nhưng khó tránh khỏi lạm dụng để có tài.

Lại như: Mậu Tý, Giáp Dần, **Kỷ Mùi**, Đinh Mão. tháng giêng Giáp mộc vượng, Mão Mùi hội cục, có nhiều thiên chính phu, Kỷ hợp Giáp Quan, Âm Dương kết duyên, cho nên tuy xinh đẹp thông minh, nhưng khó tránh khỏi đánh mất do tham lam, hưởng chi Đào sát Đào hoa, ở trên tọa em chồng, không phải Quan tinh, sao là lương phụ chứ?

Lại như: Kỷ Dậu, Đinh Sửu, **Quý Sửu**, Nhâm Tuất. Trong trụ vừa có minh vừa có ám phu, 2 Sửu 1 Tuất tổng cộng có 3 chồng ám tàng, Đinh là Tài, quy khổ ở Tuất, cùng Sửu tương hình, nhị dương đắc lệnh, hỏa cũng tiến khí, là Phu đa Tài vượng, Đinh Nhâm thái quá.

Lại như: Giáp Thìn, Quý Dậu, **Bính Tý**, Tân Mão. Ngày Bính Tý phạm Âm Dương sát, là đàn ông khiêu khích dụ dỗ, Bính lấy Quý làm chồng, Thìn Tý hội thủy, là tượng nhiều chồng, ngày giờ có Bính Tân hợp, Tý Mão hình, can hợp, là phạm hoang dâm cố lãng, hôn mê tửu sắc, trong Dậu có Tài vượng, Quý phu chuyên tọa.

Hai mệnh đều là ca kỹ, bán dâm được tài. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Xướng

Xướng, là ca kỹ vậy. Là Thân vượng Phu tuyệt, Quan suy Thực thịnh, Thực trong trụ không thấy Quan Sát, hoặc có mà Thương quan thương tận, hoặc có Quan Sát hỗn tạp mà Thực thần thịnh vượng, đây tất là mệnh ca kỹ, nếu không thì cũng là sư ni tỳ thiếp, khắc phu dâm bôn.

Như: Đinh Hợi, Canh Tuất, **Mậu Thìn**, Canh Thân. Mậu lấy Giáp làm chồng, tháng 9 là thất thời vô khí, lại bị Canh khắc tuyệt, giờ dẫn đến Thân, lấy Canh là Thực, kiến lộc ở Thân, Mậu Thìn là Khôi Cương sinh thân thái vượng, trong Hợi có Nhâm Tài cũng vượng, gọi là Thân vượng phùng sinh, tham Thực tham Tài, Phu tuyệt mà thành ca kỹ xinh đẹp vậy.

Lại như: Ất Hợi, Bính Tuất, **Giáp Tý**, Bính Dần. Giáp lấy Canh Tân làm chồng, tháng 9 kim suy thoái khí, giờ dẫn Thực thần trường sinh ở đất mộc hội cục, Giáp mộc quy lộc thân vượng, Canh kim dẫn đến đất Dần, tuyệt mà vô khí, 2 Bính Thực thần thái vượng, tổn thương phu kim, gọi là Thân vượng Thực thịnh, y thực tuy tốt, nhưng khó tránh khỏi làm ca kỹ phong trần.

Lại như: Quý Sửu, Canh Thân, **Mậu Thìn**, Canh Thân. Mậu dụng Ất làm chồng, tuyệt ở Thân, ngày Mậu được Canh Thân là Thực thần, tháng giờ trọng kiến, gọi là Thực vượng Phu tuyệt, cho nên gọi là Xướng. Phạm nữ mệnh can dương có Thực thần nhiều đều là Xướng, nữ mệnh can âm có Thực thần nhiều gọi là Kỹ.

Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Dâm

Dâm, là dâm dật vậy. Là bản thân đắc địa, Phu tinh minh ám giao tập, gọi là Nhật can tự đắc đương, trong trụ đều là Quan Sát vậy. Ở thiên can gọi là Minh, ở trong chi gọi là Âm, tứ trụ thái quá. Ví dụ như 1 Đinh thấy 3 Nhâm, cùng Thìn Tý nhiều,

gọi là Giao tập, là không có người nào mà không tiếp nhận vậy.

Như: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, **Nhâm Tuất**, Quý Hợi. Nhâm Thìn, Quý Hợi bản thân tự đắc địa, Minh có Mậu thổ là Chính phu, Ấm có Thìn Tuất là Thiên phu.

Lại như: Canh Tuất, Mậu Tý, **Ất Dậu**, Giáp Thân. Ất lấy Canh là Minh phu, mà bản thân tọa Dậu, giờ lại dẫn đến Thân là Ấm phu, vận hành tây phương đất kim vượng.

Cả 2 mệnh đều là Phu tinh minh ám giao tập, dâm không thể nói.

Lại như: Quý Hợi, Nhâm Tý, **Đinh Sửu**, Nhâm Dần. Đinh hỏa thuần ở trong chúng thủy, có nhiều minh ám phu, dâm loạn vô sỉ. **Kinh viết:** *Đinh gặp Nhâm mà thái quá, tất phạm loạn dâm ngoa vậy.*

Lại như: Quý Mão, Giáp Tý, **Kỷ Mão**, Ất Hợi. Kỷ dụng Giáp là chồng, Giáp bại ở Tý, Mão là ám phu, tọa ở dưới chi, Hợi Mão lại nhiều là Minh Ấm giao tập, Chính phu không thể chủ trương cấm chế, Ấm phu đắc thế mà nhập mệnh, Chính phu lại né tránh vậy.

Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Vượng Phu thương Tử

Nói Nữ nhân có Vượng Phu thương Tử là sao vậy? Phép này đều đoán từ trụ giờ. Giờ là nơi quy tụ, 2 tinh Phu Tử dẫn quy về trụ giờ, là nơi Phu tinh sinh vượng, Tử tinh suy bại vậy.

Như: Bính Tuất, Bính Thân, **Đinh Tị**, Tân Hợi. Đinh tọa Tị tự vượng, lấy Nhâm thủy là chồng, trụ giờ chính là đất Phu tinh lâm quan, chi thán Thân kim là đất Phu tinh trường sinh, lấy Tân kim là Tài, thán 7 kim vượng, so sánh 2 Bính, đều tọa Tài Ấn của chồng, cho nên là chồng thông minh phú quý. Đinh lấy Mậu là Tử tức tinh, dẫn đến trụ giờ thấy Hợi, Giáp trong Hợi thủy có thể khắc Mậu thổ, là Tử tinh bị khắc mà không thành vậy, cho nên gọi là ***Vượng Phu thương Tử***. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Vượng Tử thương Phu

Nữ mệnh cũng có Vượng Tử thương Phu là sao vậy? Phép này chuyên đoán từ trụ thán và giờ. Nói khắc Ta là Quan là chồng, có khí đắc thời, thì chồng phát phúc, nếu can chi thất vị, không được khí thán, trong trụ lại gặp xung khắc, trụ giờ lại không có vượng khí, mà bản thân sinh con dẫn tới trụ giờ, phùng đất Trường sinh Lâm quan Đế vượng, lại không có hình khắc, là Vượng tử thương Phu vậy.

Như: Kỷ Mão, Giáp Tuất, **Ất Mão**, Mậu Dần. Ất dụng Canh là chồng, thán 9 Canh kim vô khí, Ất dụng Bính là con cái, Bính hỏa trường sinh ở Dần, cùng Tuất hội cục, đều thuộc hỏa, nguyệt lệnh vừa không có kim khí, giờ dẫn tuyệt địa, lại bị hỏa khắc, là tổn thương Phu tinh, vượng Tử tức tinh. Cho nên viết là ***Vượng Tử thương Phu***. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

Thương Phu khắc Tử

Thương Phu khắc Tử, chính là can chi Phu tinh thất vị, thán sinh thất thời, trong trụ lại gặp xung khắc, chi giờ cũng không có sinh phù, lại kiêm có Ấn thụ trọng phùng, cướp khí Phu tinh, khắc Tử tinh nặng, Phu Tử đều không thể vượng, trái lại còn tuyệt ở trụ giờ vậy.

Như: Bính Tý, Canh Tý, **Ất Hợi**, Bính Tý. Ất mộc lấy Canh kim làm Phu tinh, tháng 11 kim hàn thủy lạnh, kim lại ở Tử địa, chi Hợi Tý thủy cướp hết khí kim, trụ không có thổ sinh trợ, Thương quan quá nhiều, cho nên thương hại chồng. Ất mộc lấy Bính hỏa là Tử tinh, dẫn đến giờ Tý, là đất thủy vượng diệt hỏa, mặc dù can có 2 Hỏa, nhưng bị quần thủy tương khắc, phu tử đều vong, cho nên viết là *Thương Phu khắc Tử*. Còn lại theo chỗ này mà loại suy.

An tĩn thủ phậ

An tĩn thủ phậ, chính là Phu tinh có khí, nhật can tự vượng, Phu tinh cùng bản thân hài hòa không có khắc nhau, không có gặp hình xung, Tài Thực đắc vị vậy.

Như: Quý Tị, Canh Thân, **Ất Mão**, Đinh Hợi.
Ất tọa Mão chuyên lộc tự vượng, lại được chi giờ Hợi hợp cục, là bản thân vượng vậy. Lấy Canh kim là chồng, tháng 7 Canh lộc ở Thân, lại có chi năm Tị hỏa là đất kim trường sinh, là Phu tinh vượng vậy; trong Hợi có Nhâm thủy, là Thực thần Thiên tru của chồng, cho nên chồng được ăn lộc trời, đây chính là bản thân cùng Phu tinh cả hai đều không làm tổn thương nhau, đều cưới khí vượng, không có hỗn tạp xâm phạm hau, vợ chồng hài hòa, là cách *An tĩn thủ phậ* vậy.

Thiểu niên hoành yế

Nói thiểu niên hoành yế, là nói tạo hóa cùng tuyệt, cách cục khác thường vậy. Có tượng chết đuối nước, treo cổ tự tử, huyết sản tử vong, bị người sát hại....
Nói như vậy là sao chứ? Chính là thân nhược mà gặp Sát trọng, Sát nhiều khắc thân, lại còn mang hình xung phá bại vậy; hoặc là trong mệnh không có Quan tinh thụ thương, hành vận lại gặp đất Quan, hoặc là không có Quan mà thấy Thương, vận lại gặp Quan vậy; Hoặc là mang Nhận mà không có chế, vận hành đất hợp Nhận cùng gặp Vong thần Kiếp sát. Chỗ này đều là loại Hoành yế vậy. Không chỉ có ở nữ mệnh, mà nam mệnh cũng vậy.

Như: Đinh Mão, Quý Sửu, **Canh Thìn**, Bính Tý.
Canh dụng Đinh là Quan, bị gặp trùng điệp Quý thủy Tý Thìn Thương quan, khắc quá nặng, thủy đa kim trầm, vừa giao vận Đinh Tị, gặp Thương quan kiến Quan, lại hội Bính Sát khắc thân, cho nên bị hại chết đuối nước.

Lại như: Ất Dậu, Mậu Tý, **Bính Dần**, Kỷ Hợi.
Nhật can Bính hỏa trường sinh ở Dần, sinh mùa đông gặp Hợi Tý, Quan Sát quá trọng, gọi là Hỏa vượng trên đầu gặp thủy thịnh, cho nên khi sinh dễ bị chết.

Lại như: Nhâm Tý, Quý Mão, **Giáp Tuất**, Đinh Mão.
Nguyệt lệnh là Dương nhận, trụ giờ Đinh Mão Thương quan cùng Dương nhận, Tý hình lại thành hợp, trong trụ không có Phu tinh Tài tinh, năm Quý Dậu tháng Ất Sửu ngày Kỷ Mão, phạm cường dâm rồi bị giết chết.

Phạm nữ mệnh có Quan Sát quá trọng, Dương Nhận vô tình, thì không dâm lạm cùng chết hung.
Còn lại cứ theo chỗ này mà loại suy.

Phúc Thọ lưỡng bị

Nói về Phúc Thọ lưỡng bị, là nói tạo hóa trung hòa, cách cục thuần túy vậy. Có hưởng dụng cả đời, vĩnh viễn được trời ban không già.
Nói như vậy là sao chứ? Là thân tọa nhiều vượng, thông với khí thág, can chi phụ trợ lẫn nhau, lại mang Tài Quan Ấn thụ,

đều đắc vị, cục không hành Tài phá Ấn hại Quan, hỉ nhất là có Thực thần Thiên Trù. Nếu thân vượng mà hành vận đất Tài Thực, đây đều là mệnh **Phúc Thọ lưỡng bị** vậy.

Như: Bính Ngọ, Canh Tý, **Tân Dậu**, Quý Tị.

Tân tọa Dậu, là chuyên lộc tự thắng, trụ giờ Quý quy lộc ở Tý, là Thực thần Thọ tinh, Tử tinh đắc địa, Tân dụng Bính hỏa là Quan, Bính lộc quy về Tị, là Phụ tinh đắc địa, người sinh tháng 11, là tượng Kim bạch thủy thanh, kiêm can chi trên dưới phụ trợ nhau, đều không có thương tổn, thân không tòng hóa, cho nên là người xinh đẹp mà đoan chính, chồng con đều tốt, chính là tượng Phúc Thọ lưỡng bị vậy.
Còn lại cứ theo chỗ này mà loại suy.

Chính Thiên tự xử

Nói Chính Thiên tự xử là sao chứ? Là Phụ phụ hợp nhau, lại gặp Tĩ kiên phân tranh, như một vị Phụ tinh mà có 2 vị Thê tinh tương hợp, gọi là Tranh hợp. Nếu bản thân Ta tự vượng, còn bản thân Nó gặp suy, tứ trụ không xung, thì Ta là Chính còn Nó là Thiên; nếu bản thân Nó vượng còn Ta suy, tứ trụ xung bản thân Ta, thì Nó là Chính còn Ta là Thiên vậy. Bởi bản thân của Ta vượng có khí, thì chồng theo Ta là Chính, bản thân Ta suy mà Nó lại vượng, thì chồng đi theo chỗ khác, trái lại Ta là Thiên, gọi là Nó vượng, tranh mất chồng của Ta, Ta chỉ là Thiên. Hoặc tự vượng thái quá, trụ không có Phụ tinh, thì cũng là Thiên. Hoặc có Quan Sát hỗn tạp, hoặc có Thương quan quá trọng, thì cũng là Thiên, càng dâm lạm.

Như: Nhâm Tý, Bính Ngọ, **Tân Dậu**, Tân Mão.

Tân dụng Bính là Phụ tinh, thân tọa Dậu, là chuyên lộc tự vượng, tuy có trụ giờ dẫn Tân Mão kim, nhưng Nó vô lực, cho nên Ta là Chính còn Nó là Thiên, chỗ này gọi là Nhị Nữ tranh phu, Chính Thiên tự xử (chung sống).

Lại như: Quý Mùi, Nhâm Tuất, **Quý Tị**, Nhâm Tý.

Quý dụng thổ là chồng, Quý Tị là thủy nhược, Nhâm Tý là thủy vượng, nếu không thể thắng vượng, bị Nhâm thủy tranh mất Mậu thổ chính phu, là Nó thắng Ta suy, Ta chỉ là Thiên, nhưng Nhâm thủy trọng mà quá phù phiếm, lại mang Đào hoa, không thể nào ở chung được.

Chiêu Giá bất định

Nói Chiêu Giá bất định là sao vậy? Chính là trong Nguyệt lệnh có Phụ tinh thấu can, cùng bản thân tương hợp, bản thân tòng phục, nhưng Phụ tinh vô khí, chi giờ dẫn Phụ tinh hoặc là Sát tinh nhưng cưới đất vượng lại đến khắc bản thân, phải đi theo phục tùng Thiên phu, cho nên gọi là Chiêu Giá bất định. Nếu Phụ tinh không vượng hoặc bị khắc chế, tất là lấy chồng muộn, hoặc là lấy chồng bất minh, hoặc là chồng không làm được việc, hoặc là có ngoại tình.

Như: Quý Dậu, Giáp Tý, **Kỷ Mùi**, Ất Hợi.

Kỷ dụng Giáp là chồng, sinh ở tháng 11, là thất thời không vượng, giờ gặp chữ Hợi, là đất Giáp mộc trường sinh, là Phụ vượng vậy, nhưng không hợp lại bị chỗ Ất mộc chế Kỷ Mùi, Mùi là đất khổ địa của Ất mộc, Giáp sinh tháng Tý, Phụ tọa đất bại địa không hiển, giờ gặp Ất Hợi, trong Hợi lại có Giáp mộc trường sinh, muốn Giáp mà lại mời Ất đến vậy, đây chính là chỗ gọi **Chiêu Giá bất định**.

Còn lại cứ theo chỗ này mà loại suy.

Nữ mệnh đại nghĩa -2

Ngũ hành diêm đạm phúc tinh lâm,
Trọng hậu ôn cung tất chí thành,
Thiên sứ lâu la không nửa điểm,
Nhưng giao ngu phúc trọng nghìn cân.
Đầy bàn Ấn thụ được Phu tinh,
Vận hướng Phu hành Tử tức sinh,
Tạo hóa Phu tinh không kiếp đoạt,
Hưng Phu vượng Tử lưỡng nghi tình.

Ấn thụ nhiều là không có con, vận hành Tài Quan con cái lại nhiều. Can âm Kiều Ấn trọng cũng chớ nói là không có con, hành vận tiết khắc thì con cái nhiều mà thanh tú.
Như: Quý Mùi, Quý Hợi, **Ất Dậu**, Quý Mùi. Mệnh này hành vận hỏa thổ nam phương, đất Tài Thực, lấy Tài chế Kiều, Thực thần không bị tổn hại, sinh 7 con trai đều hiển đạt, vợ chồng sống với nhau đến bạc đầu. Như một mệnh sinh giờ Nhâm Ngọ, cũng sinh được 5 con trai, nhưng hình phu thất tiết.

Trong cách Tạp khí Lộc tốt nhất,
Can đầu tiện hỗn cũng có khen,
Vận hành Tài địa không Thương Kiếp,
Lấy chồng tài năng hưởng phúc xa.
VD như Giáp Ất tháng Sửu, đều tàng Phu tinh, can đầu bất kỵ hỗn tạp, chỗ này lấy tháng mà nói vậy.

Nhâm Thìn Nhâm Tuất tọa Phu tốt,
Canh Tuất Canh Dần thân cũng tiết,
Nhâm Ngọ Giáp Thân Mậu Dần nhật,
Phụ nữ gặp đây phúc đều lệch.
Chỗ mấy ngày này, tọa dưới Phu tinh chỉ nên có một vị là phúc, chỗ này là lấy ngày mà nói vậy. *Như mệnh:* Canh Thân, Kỷ Sửu, **Canh Dần**, Canh Thìn. Đại phú, có 8 con trai, thọ hơn 50 tuổi.

Bính Canh Tý Ngọ phân đều suy,
Bên trên nên thiên về Mão Mùi,
Ngày Ất sao kham Tị Dậu Sửu,
Quý lâm Kỷ Mùi cũng đương thời.
Mấy ngày này cũng tọa dưới Phu tinh không nên bị phá, nên thấy một vị là cát.

Sát tinh độc Ấn trong cách thanh,
Thân chủ thanh cao phú quý thành,
Không có Quan tinh đến hỗn cách,
Hiệu phong cung thực trọng kêu danh.

Nữ mệnh có Sát Ấn là tối cát, như nói ở trên. Như các ngày Kỷ Mão, Kỷ Mùi, Quý Sửu, Ất Sửu, Ất Dậu, Quý Mùi, Tân Mùi, Giáp Thân, Canh Dần, Mậu Dần, Nhâm Tuất, Nhâm Thìn, Bính Dần. Không nên lại tiếp tục hỗn Phu tinh là quý.

Ngũ âm phụ nữ phải thân suy,
Như gặp cương cường tai bệnh đến,
Tuế vận lại hành thân vượng địa,
Trương hoa mưa gió oán hận nhau.

Ngày ngũ thì nên suy nhược, cường thì đa số sinh tai họa, hành thấy đất Lộc hội vượng, trụ không có Quan Sát, thì hại chồng hại con.

Cô Loan nhật phạm vốn không nên,
Vừa thấy Quan hiển thì có con,
Vận gặp vượng thì nhiều tử muội,
Đón gió phiên muộn ở lâu xanh.

Ngày Cô Loan trong trụ nếu thấy Quan tinh, trái lại là có con, ngày âm càng tốt, không thể cầu thả lấy không có con mà đoán. Vận hành thân vượng cùng Tỉ kiên tranh đoạt, mới đúng là Cô Loan.

Phu tinh đắc địa con dư thừa,
Tỷ muội giao gia lại thành hư,
Tài vượng lại phùng mà thành cát,
Thương quan tương kiến hựu như sơ.

Phụ nữ lấy Phu tinh làm chủ, Phu tinh đắc thời tất nhiều con cái. Nếu thấy Tỉ kiên cướp đoạt, trái lại không có con, cho nên lại hỉ Tài sinh. Lại thấy Thương quan, lại như ban đầu mà luận.

Một vị Phu tinh nhiều tử muội,
Thương quan tuế vận liên khó khăn,
Dù có gặp chồng cũng thương khắc,
Chấn lạnh gối đầu làm sao đây?

Quan tinh chỉ cần một vị, sợ có Tỉ kiên phân đoạt, hướng chi tuế vận lại gặp Thương quan, thì tất nhiên là hại chồng vậy. Nếu như là Thương quan cách, trong trụ không thấy Quan, thì vô hại, sợ hành vận thấy Quan, chiến đấu như kẻ thù, là khắc chồng không sai.

Cách dụng Thương quan cũng hai cách,
Nếu gặp Thực vượng ích Phu tài,
Tài tinh vượng xứ sinh Quan vượng,
Vô Thực vô Tài Ẩn hỉ lai.

Thương quan đắc thời thì vô hại, nhưng sợ Ẩn vượng phá dụng, Thực thần là dụng, đắc thời càng tốt, nhưng cần thấy Ẩn, nhưng không nên có Ẩn nhiều, có ít mới cát. Như mệnh: Quý Mùi, Ất Mão, **Canh Tý**, Canh Thìn. Thương quan dụng Tài, lấy chồng quý thụ phong, có một con trai.

Phụ nữ cách cục phải thanh hòa,
Phu khí hựu tù nhiều khổ khổ,
Vận phùng Tài Quan trọng vượng tướng,
Được mang áo gấm cười ha ha.

Giả sử như ngày Tân sinh ở tháng Dậu, can đầu hư kiến Bính hỏa, tuy Quan là vô dụng, chủ xào mà bán. Lại như Tân

Nhâm hổ kiến, là khắc phu. Nếu được hành Sát Quan cùng Tài vận, sinh khởi hỏa mộc, thì cát. Còn lại chiếu theo chỗ này mà luận.

Thương quan tính trọng có dư quyền,
Tĩ Kiếp trọng phùng lễ không thừa,
Ấn thụ nhật tâm thanh thận độc,
Đinh Nhâm hóa hợp hiểu thi thư.

Chỗ này là nói tính tình Thương quan thông minh giác ngộ, nữ được chồng vậy.

Kim thủy tương hàm người xinh đẹp,
Tĩ kiên cũng lấy kim thủy khen,
Bính phùng Nhâm chế mặt như ngọc,
Giáp phùng kim khắc mạo như hoa.

Kim thủy hàm tú, cho nên đa số là xinh đẹp, nếu có Nhâm khắc Bính, Giáp thấy kim là Nhất Sát thanh độc, dung mạo cũng đẹp, tính tình cũng điềm tĩnh. Hồn tạp, thì dâm tiện, dung mạo cũng xấu.

Ấn thụ sinh thân gặp Sát tốt,
Thương quan Tài vượng tọa cao đường,
Như hành Tử Tuyệt Dương Kiên Mộ,
Độc thủ phòng không khóc tang con.

Sát Ấn tương sinh, Thương quan sinh Tài, đều là Thượng cách. Nếu hành Tài Sát tử tuyệt, Dương Nhận Tĩ kiên cùng Thương quan nhập Mộ, là mệnh thương phu khắc tử.

Âm Dương tự vượng nhật bình thường,
Thân kiện vô y vốn là cát,
Vận hướng Phu hương khởi cạnh tranh,
Sửa đổi dung mạo mà tái giá.
Đào Hoa Hồng Diễm cùng giao soa,
Luôn hướng trang điểm tóc mai tà,
Nếu có Quan tinh tàng và thấu,
Lại về đất tốt phúc vô bờ.

Nhị Sát thì không cát, phụ nữ là tối kỵ. Như thấy Quan tinh thì có chỗ dựa, trái lại là có phúc.

Đào Hoa cùng Sát sợ cùng đường,
Quan kiến Đào Hoa lại vượng phu,
Kim Thủy tương phùng tuy xinh đẹp,
Không có Quan quý nhà cũng dơ.

Quan tinh Đào Hoa không sợ ở chồng, Sát tinh Đào Hoa thì đa số là làm ca kỹ. Đào hoa Sát tuy có một, mà phùng Quan gặp Sát thì khác hẳn, kim thủy Thương quan không có Quan Sát, thì ý chí bất định.

Thực thần độc vượng thắng là cát,
Kim Thủy Thương quan được hỏa thịnh,
Thụ khí không nên phùng tử muội,
Sát tinh một vị là rất tốt.

Một Thực gặp sinh vượng, kim thủy thấy hỏa, Bào thai không có Tĩ kiên, Sát tinh chỉ có một vị đắc thời, chỗ này mệnh phụ nữ gặp là cát.

*Quan tinh đắc lộc biết chồng quý,
Thực gặp Lâm quan con cái hiền,
Phúc vị Thanh Long cách Sát Thực,
Đuổi nô khiến tỳ đoạt quyền chồng.*

Như Kỷ gặp Giáp Phu tinh được tháng Dần, Giáp Thực Bính tự được tháng Tị, chủ chồng con đều tốt. Nếu Sát cách Thực cách dụng gặp Lộc thần, mang chỗ Thanh Long phúc tinh, là đoạt quyền chồng, xinh đẹp thông minh.

*Thực thần ám hợp Tị phu đến,
Thực vượng không hỗn đài phú quý,
Thấu ra Tài tinh phân thứ bậc,
Kiêu Sát hợp ngoại khởi nghi ngờ.*

Thực thần không thích hợp Tài khinh, lại không thích hợp thái quá, thanh là đệ nhất, thấy Quan là thứ, Sát đến thấy nhau là không cát.